

Số: **99** /KH-UBND

Bình Định, ngày **15** tháng **7** năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2030;

Thực hiện Công văn số 655/UBNDT-KHTC ngày 29/4/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, phát huy sức mạnh tổng thể của hệ thống chính trị và toàn dân nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần ổn định đời sống Nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu: Các ngành, các cấp chính quyền phối hợp Mặt trận Tổ quốc và các hội đoàn thể trong tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả nội dung của Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh; cụ thể hóa các nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết, Kế hoạch thành các cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án với bước đi phù hợp, phân công tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ đó.

II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

- Ưu tiên phát triển toàn diện, nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế so sánh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi so với vùng phát triển trong tỉnh;

- Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của Nhân dân, chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển của tỉnh;

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số;

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh;

- Xóa bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu, đồng thời bảo tồn, phát huy các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đặc trưng của các dân tộc;

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Cùng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025:

- Phần đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020;

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 3% - 4%; phần đầu khoảng 10 xã và 4 thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn;

- Giữ vững 100% xã có đường ô tô được nhựa hóa, bê tông hóa đến trung tâm xã; trên 95% đường ở thôn được bê tông hóa, cứng hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; trên 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; trên 96% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận với phương tiện nghe, nhìn;

- Giải quyết cơ bản công tác định canh, định cư. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí trên 100% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú tại các nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho hộ DTTS hộ nghèo; phần đầu xóa nhà tạm, dột nát cho 100% số hộ DTTS nghèo;

- Giữ vững 100% tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường, học sinh trong độ tuổi: Học tiểu học đạt trên 99,7%, học sinh trung học cơ sở phần đầu đạt trên 95%, học sinh trung học phổ thông phần đầu đạt trên 60%;

- Giữ vững 100% xã đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế trong giai đoạn 2020-2025 và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giữ vững 100% xã có bác sỹ; 100% trạm y tế xã đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 97% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y

tế; phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%;

- Phấn đấu trên 50% lao động là người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; phấn đấu 100% thôn (làng) có nhà sinh hoạt cộng đồng; trên 50% thôn (làng) có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương;

- Công tác quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được giữ vững trong tình hình mới.

b) Mục tiêu đến năm 2030:

- Thu nhập bình quân người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 3 - 4%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới;

- Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tăng bình quân 6,5%/năm;

- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm;

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35 - 40%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ;

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ;

- Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó trên 70% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng;

- Phấn đấu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa;

- Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái;

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở;

- Duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng (Độ che phủ của rừng năm 2020 là 56,03%; trong đó: Độ che phủ của rừng trong quy hoạch 3 loại rừng 51,27 %, độ che phủ của rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 4,76 %¹);

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước;

- Cơ bản không còn hộ nghèo; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ đột phá

a) Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; phối hợp rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Phối hợp, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Về phát triển nguồn nhân lực:

- Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức sẵn có và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội;

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số

¹ Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2020.

là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc;

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị các cấp;

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

d) Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông đường bộ liên huyện, liên xã kết nối với hệ thống đường bộ quốc gia, kết nối liên vùng và liên thông vận tải với các tỉnh bạn.

đ) Phối hợp phát triển mạnh hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kết nối và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

e) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan từ tỉnh đến cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc; đổi mới tổ chức của Ban Dân tộc và cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở cấp huyện theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

b) Về phát triển kinh tế: Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối với nông nghiệp:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng,

gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; tập trung hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (quốc gia, cấp tỉnh, đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực và vùng phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết đất ở, đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Đối với công nghiệp - xây dựng:

+ Rà soát, quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng;

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt;

+ Quy hoạch hệ thống đô thị, khu dân cư mới và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư, sắp xếp, ổn định dân cư.

- Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Phối hợp khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mới ký kết để tăng cường xuất khẩu, song song với bảo vệ sản xuất, thương hiệu các sản phẩm trong nước và lợi ích của người tiêu dùng. Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng; kết nối, tăng cường các phương thức xúc tiến thương mại, đặc biệt thương mại điện tử để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử phục vụ phát triển thương mại tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa phù hợp đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái; du lịch nông nghiệp; trong đó chú trọng phát triển sản phẩm du lịch "xanh", du lịch "trải nghiệm", tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương từng vùng.

c) Về phát triển giáo dục - đào tạo:

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỉ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương;

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế địa phương;

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tầm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng;

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục phối hợp nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Về y tế và dân số:

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó, quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...;

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em;

- Phối hợp thí điểm các mô hình, tiến tới nhân rộng các cơ sở y tế kết hợp quân - dân y để khám bệnh, chữa bệnh cho người dân.

đ) Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc:

- Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nhằm tạo ra sự đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam; tạo sự chuyển biến

mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Quốc phòng, an ninh:

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc, bạo loạn, biểu tình, phá rối trật tự an toàn xã hội;

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

g) Về đối ngoại:

- Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút nguồn lực đầu tư của cộng đồng quốc tế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt là các nước có chung đường biên giới với Việt Nam; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng giao lưu với nhân dân các nước láng giềng;

- Gắn kết đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng, đối ngoại công an; phòng chống tội phạm về ma túy, “buôn người”, phối hợp phòng chống khủng bố;

- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại góp phần giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng và ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; kịp thời đấu tranh ngăn ngừa những thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước.

h) Củng cố hệ thống chính trị cơ sở: Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm tại vùng căn cứ cách mạng.

3. Giải pháp thực hiện

a) Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc: Quán triệt nghiêm túc và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền và Nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới. Chú trọng công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, xóa tình trạng thôn (làng) “trắng” đảng viên và tổ chức Đảng.

b) Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc:

- Tiếp tục phối hợp, đề xuất xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực (vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra. Trong đó kinh phí thực hiện Chiến lược công tác dân tộc được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

- Tiếp tục phối hợp, nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động sự tham gia của các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính vi mô trong việc triển khai các gói tín dụng, bảo hiểm vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Đổi mới việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc:

- Khẩn trương phối hợp với các cấp, các ngành rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Cụ thể hóa Chiến lược công tác dân tộc bằng các chương trình hành động, dự án, kế hoạch triển khai phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế;

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

d) Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc:

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đối với những địa phương không thành lập cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc phải bố trí đủ nhân lực cho cơ quan được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Bảo đảm thực hiện đầy đủ vai trò chủ trì, thẩm định hoặc phối hợp tham gia

thẩm định chính sách ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định;

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc các cấp. Phối hợp hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc từ tỉnh tới cơ sở, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về dân tộc;

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc:

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra;

- Tiếp tục phối hợp nghiên cứu, đề xuất một số chính sách mới trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện giai đoạn trước, bảo đảm phù hợp định hướng, chủ trương của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước và tình hình thực tiễn của từng địa phương, dân tộc; tăng cường phân cấp, phân quyền để các địa phương chủ động triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù trong tổ chức thực hiện các nội dung của Chiến lược công tác dân tộc theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững, trong đó tập trung vào một số chính sách sau:

- + Quy hoạch phát triển các cụm liên kết ngành để phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ hỗ trợ để tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hình thành các trục động lực, khu công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, dịch vụ, du lịch gắn với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội từng địa phương; có chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- + Phối hợp, đề xuất xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, các cơ sở giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội;

- + Tiếp tục phối hợp nghiên cứu, đề xuất sửa đổi hoặc ban hành mới các chính sách về các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, giải quyết việc làm cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý kinh tế, tài chính, quản trị sản xuất cho hộ gia đình, nhất là các hộ tham gia vào chuỗi giá trị chung và có hoạt động sản xuất kinh doanh; đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số; bảo tồn văn hóa truyền thống; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường;

- + Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất xây dựng các đề án, chính sách về thông tin,

tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, phát huy nội lực, khơi dậy khát vọng, ý chí tự lực, tự cường, của đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với từng địa bàn, phong tục, tập quán của đồng bào;

+ Tiếp tục phối hợp, đề xuất xây dựng các đề án, dự án để ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu từ các đề tài khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó tập trung vào những vấn đề trọng điểm và các mô hình có tính thực tiễn cao, kinh phí phù hợp với yêu cầu và tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân tộc thiểu số và vùng, miền, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững theo quy mô cấp cộng đồng trên nguyên tắc lấy bản sắc văn hóa, tri thức cộng đồng, truyền thống của các dân tộc thiểu số làm nền tảng, phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh làm mục tiêu, khoa học và công nghệ là giải pháp; có cơ chế linh hoạt trong huy động nguồn lực, liên kết, đặt hàng với các tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung thêm nguồn lực thực hiện.

4. Kinh phí và tiến độ thực hiện

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện) phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Tiến độ thực hiện: Từ năm 2022 – 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm việc lồng ghép thực hiện các mục tiêu của Chiến lược công tác dân tộc với các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của Trung ương và địa phương;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban Dân tộc và UBND tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh;

b) Sở Tài chính hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương; chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành, đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn quản lý; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc; các sở, ngành, địa phương, đơn vị phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh